UBND TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

Số: 435 /QĐ-CĐSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 06 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non
của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định tại Điều 10, Điều lệ trường cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Công văn số 1844/SGDĐT-TCCB ngày 30/6/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc rà soát thông tin đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, đào tạo năm 2022 và đề xuất nhu cầu các năm từ 2023 đến 2025 để triển khai Nghị định số 116/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Biên bản họp ngày 23/5/2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thông qua Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Nghị quyết số 49-NQ/HĐT ngày 06/6/2025 của Hội đồng Trường về việc thông qua Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - Bồi dưỡng và Hợp tác quốc tế, trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng trong công tác tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non từ năm 2025 của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo - Bồi dưỡng và Hợp tác quốc tế, trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Hội đồng trường (b/c);
- Lãnh đạo trường (b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTBDHTQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Thế Hải

UBND TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 435 /QĐ-CĐSP ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân có liên quan đến công tác tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh của ngành Giáo dục Mầm non được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào ngành Giáo dục Mầm non của Trường, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển theo quy định, quy trình, hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Trường.

3. Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại Trường (hoặc xử lý chung theo nhóm cơ sở đào tạo) để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo, ngành đào tạo, căn cứ các tiêu chí xét tuyển do Trường xác định.

4. Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung, hệ thống hỗ trợ tuyển sinh riêng để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

5. Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

6. Xét tuyển thẳng là việc công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng theo quy định của Quy chế này và đã đáp ứng yêu cầu về điều kiện dự tuyển nhưng không cần xét tới ngưỡng đầu vào.

7. Tiêu chí đánh giá là những yếu tố được dùng trong kỳ thi, kiểm tra, đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

8. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.

9. Điểm trúng tuyển có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

10. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.

11. Kỳ thi độc lập là kỳ thi được tổ chức độc lập với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ ở các mức độ khác nhau phục vụ xét tuyển.

12. Kỳ thi bổ trợ là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh (như thi năng khiếu, thi tài năng, phỏng vấn) để lấy kết quả làm một căn cứ, một tiêu chí phục vụ xét tuyển.

13. Thi trực tiếp là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tiếp; thí sinh làm bài trên giấy hoặc trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn trước hội đồng.

14. Thi trực tuyến là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tuyến và giám sát bằng công nghệ; thí sinh làm bài trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn qua mạng.

15. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học.

16. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh riêng của Trường là hệ thống phần mềm hoặc phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của Trường.

17. Cổng thông tin tuyển sinh (của Bộ GDĐT) là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

18. Cổng thông tin tuyển sinh/Trang thông tin điện tử (của Trường) là giao diện web hỗ trợ tuyển sinh của Trường.

19. Mã trường của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu là: C52.

20. Mã xét tuyển là một mã số quy ước thống nhất trong Trường dùng để định danh ngành Giáo dục Mầm non, cùng với phương thức tuyển sinh được áp dụng.

21. Quy đổi tương đương là việc quy đổi ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do Trường quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của ngành Giáo dục Mầm non.

Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Trường thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trường thực hiện tất cả biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của ngành Giáo dục Mầm non.

3. Trường phối hợp chặt chẽ với các cơ sở giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tuyển sinh dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ GDĐT nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo và của toàn hệ thống, đồng thời tác động tích cực tới việc dạy và học ở giáo dục phổ thông.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục Mầm non;

d) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên vào ngành Giáo dục Mầm non đủ điều kiện trúng tuyển;

đ) Về thực hiện cam kết: Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo

a) Về hợp tác: Trường hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: Trường cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Trường có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các kênh thông tin phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý nhà nước cùng giám sát;

b) Về trách nhiệm giải trình: Trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân.

Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam.

b) Có hộ khẩu thường trú trong tỉnh.

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này;

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành; không bị dị tật, dị hình, nói ngọng, nói lắp v.v…

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

1. Tùy vào điều kiện thực tế, Trường tổ chức thực hiện việc thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển với xét tuyển. Phương thức tuyển sinh sẽ được công bố trong thông tin tuyển sinh hàng năm của Trường.

2. Mỗi phương thức tuyển sinh Trường quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển (nội dung chi tiết có trong Thông tin tuyển sinh của Trường), trong đó:

a) Các tiêu chí đánh giá, xét tuyển để xác định điều kiện trúng tuyển đối với thí sinh theo yêu cầu của ngành Giáo dục Mầm non;

b) Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30);

c) Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét, nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này;

3. Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi theo từng môn (điểm tổng kết các môn học cấp THPT, điểm thi các môn tốt nghiệp THPT và các kết quả đánh giá khác):

a) Tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của ngành Giáo dục Mầm non, trong đó phải có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét không dưới 25%; từ năm 2026 số môn chung của các tổ hợp phải đóng góp ít nhất 50% trọng số tính điểm xét;

b) Trường hợp sử dụng kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển thì phải dùng kết quả học tập cả năm lớp 12 của thí sinh với trọng số tính điểm xét không dưới 25%;

4. Trường xác định quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT; bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng tốt nhất yêu cầu đầu vào của ngành Giáo dục Mầm non;

5. Trường chịu trách nhiệm giải trình về căn cứ khoa học và thực tiễn trong xác định phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ và quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển; trong đó phải dựa trên phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển hằng năm.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (theo Phụ lục I của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT; nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (theo Phụ lục II của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không

nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

3. Trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển khác đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

b) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành Giáo dục Mầm non phù hợp với nghề đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

c) Đạt từ giải ba trở lên trong kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức, có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá ở mức Khá trở lên.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào

Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào

và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày. Cụ thể:

1. Các phương thức tuyển sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT: Ngưỡng đầu vào do Bộ GDĐT công bố hàng năm.

2. Đối với các phương thức tuyển sinh sử dụng kết quả học tập bậc THPT (Học bạ): Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá ở mức Khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Trường. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả là 3 năm ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của Trường, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục.

Điều 11. Thông tin tuyển sinh

1. Hàng năm Trường xây dựng, công bố và thực hiện thông tin tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình và cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh chứa đầy đủ thông tin làm căn cứ để:

a) Thí sinh lựa chọn phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Trường;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh bao gồm:

a) Thông tin giới thiệu về Trường, tên ngành đào tạo, gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỉ lệ có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp (theo Phụ lục III của Quy chế);

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức

tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường.

3. Trường thông báo tuyển sinh kèm theo công bố thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ít nhất 15 ngày. Riêng đối với quy tắc quy đổi tương đương, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

Chương II

TỔ CHỨC THI TUYỂN SINH

Điều 12. Tổ chức thi tuyển sinh

1. Các kỳ thi phục vụ xét tuyển do Trường tự tổ chức, hoặc liên kết một nhóm cơ sở đào tạo hợp tác tổ chức.

2. Xây dựng quy chế thi, công bố trên trang thông tin điện tử của Trường đồng thời gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo và Bộ GDĐT để báo cáo ít nhất 30 ngày trước khi thí sinh bắt đầu đăng ký dự thi.

3. Trường chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác trước, trong và sau kỳ thi, bao gồm cả trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về chất lượng đề thi, quy chế thi, thông tin tổ chức thi, việc triển khai thông tin tổ chức thi, và công bố phổ điểm chi tiết làm căn cứ cho việc xác định quy tắc quy đổi tương đương với kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Điều 13. Quy chế thi tuyển sinh

1. Quy chế thi phải được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường thông qua và được Hiệu trưởng ký ban hành, làm căn cứ để tổ chức thực hiện các công tác trước, trong và sau kỳ thi, tuân thủ những yêu cầu chung và nguyên tắc cơ bản quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quy chế này.

2. Nội dung của quy chế thi phải bao gồm những quy định về:

a) Phạm vi tuyển sinh, đối tượng và điều kiện dự thi;

b) Đề cương đề thi và hình thức thi;

c) Các quy trình tổ chức kỳ thi và nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân tham gia (chuẩn bị cho kỳ thi, tổ chức đăng ký dự thi, làm đề thi, coi thi, chấm thi…);

d) Các biện pháp bảo mật và chống gian lận trong kỳ thi;

đ) Chế độ công khai, báo cáo và lưu trữ;

e) Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý sự cố, xử lý vi phạm.

3. Quy chế thi phải được tập huấn cho tất cả những người tham gia công tác thi và phổ biến đầy đủ cho thí sinh dự thi.

Chương III
XÉT TUYỂN CHÍNH QUY

Điều 14. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch chung của Bộ GDĐT cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy, Trường phối hợp triển khai các quy trình sau:

a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (gọi tắt là hệ thống trong phạm vi Chương này) và trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Tổ chức xét tuyển tại Trường theo các phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập cấp THPT hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh hoặc kết hợp sử dụng kết quả theo các phương thức được ghi ở mục này;

c) Xử lý nguyện vọng trên hệ thống (theo chu trình lặp kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường);

d) Xác nhận nhập học trên hệ thống và nhập học tại Trường.

2. Căn cứ kế hoạch chung, Trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có).

Điều 15. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ thông tin tuyển sinh đã công bố, Trường tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố và đưa danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống.

3. Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT để lựa chọn chương trình, ngành, nhóm ngành đã trúng tuyển thẳng tại một cơ sở đào tạo hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung.

Điều 16. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung

1. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

2. Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, nhiều trường khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

3. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh (theo hướng dẫn của Bộ GDĐT) như sau:

a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);

b) Lựa chọn Trường (mã trường);

c) Lựa chọn ngành, nhóm ngành, chương trình đào tạo (mã ngành);

Điều 17. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Trường tự chủ tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc tự nguyện phối hợp theo nhóm để tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung. Bộ GDĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên hệ thống.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung, Trường tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng, kết quả học tập cấp THPT, kết quả kì thi tốt nghiệp THPT, điểm xét tốt nghiệp THPT, kết quả thi của các cơ sở đào tạo tổ chức thi trong năm tuyển sinh, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển để phục vụ xét tuyển.

3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Trường sử dụng tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng (để xét chọn những thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn);

d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Trường tải lên hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển. Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Trường lặp lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Trường quyết định điểm trúng tuyển (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non.

6. Trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào ngành Giáo dục Mầm non theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường (hoặc của nhóm cơ sở đào tạo phối hợp xét tuyển).

Điều 18. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

1. Trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ những thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống, trước khi nhập học tại Trường.

3. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của UBND quận, huyện trở lên, Trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

4. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại Trường không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung, trừ trường hợp được Trường cho phép.

Điều 19. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào ngành Giáo dục Mầm non, Hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét, quyết định xét tuyển các đợt bổ sung. Trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với ngành Giáo dục Mầm non theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ cơ sở giáo dục nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Trường công bố trên trang thông tin điện tử điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân; gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

Điều 20. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Trường

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;

b) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo/cơ sở giáo dục khác) về mức

thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh;

d) Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của HĐTS gồm có:

a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch: Phó Hiệu trưởng;

c) Uỷ viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo –Bồi dưỡng và Hợp tác quốc tế;

d) Các uỷ viên: Một số trưởng hoặc phó trưởng phòng, trưởng hoặc phó trưởng khoa, trung tâm, trưởng hoặc phó bộ môn liên quan đến thi tuyển sinh, chuyên viên/chuyên viên chính phụ trách tuyển sinh và người am hiểu, sử dụng tốt công nghệ thông tin;

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào trường không được tham gia HĐTS của trường và các ban giúp việc HĐTS trường trong năm đó.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS.

a) Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ thông qua thông tin tuyển sinh do Hiệu trưởng thành lập Ban soạn thảo biên soạn và công bố hàng năm theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

b) HĐTS có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Tổ chức tuyển sinh theo thông tin và quy chế, quy định, quy trình đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của Trường.

- Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống chậm nhất 30 ngày sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học (đối với tuyển sinh cao đẳng chính quy); báo cáo những nội dung theo quy định của Quy chế này, báo cáo tình hình tuyển sinh và kết quả tuyển sinh theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

- Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm, Trường hoàn thành cập nhật dữ liệu thực tuyển của tất cả các hình thức bao gồm: thông tin thí sinh; thông tin xét tuyển của thí sinh; kết quả xét tuyển của thí sinh; thông tin về ngành tuyển sinh; thông tin về phương thức tuyển sinh đã thông báo tuyển sinh trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

- Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khoá đào tạo theo quy định của Luật lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục. Nếu tổ chức thi tuyển sinh thì phải bảo quản hồ sơ đăng ký dự thi, danh sách phòng thi, bài thi của thí sinh, hồ sơ và kết quả chấm thi theo thời hạn quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

- Thu hoặc ủy quyền thu và sử dụng kinh phí tuyển sinh, kinh phí xét tuyển.

- Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS.

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của trường;

b) Thành lập các ban giúp việc cho HĐTS để triển khai công tác tuyển sinh;

c) Phân công Phó Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ về công tác tuyển sinh và thay mặt giải quyết công việc khi Chủ tịch HĐTS uỷ quyền.

Điều 22. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký HĐTS

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm có:

a) Trưởng ban do Uỷ viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm;

b) Các uỷ viên: Một số viên chức phòng, khoa, trung tâm và người am hiểu, sử dụng tốt công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS:

a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian, hình thức và địa điểm đăng ký xét tuyển hoặc dự thi (nếu có) trên trang thông tin điện tử của Trường;

b) Tổ chức kiểm tra hồ sơ của thí sinh dự tuyển và trúng tuyển theo quy định;

c) Cập nhật lên Cổng thông tin tuyển sinh và hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT tất cả các thông tin tuyển sinh của Trường theo quy định để thực hiện xét tuyển trên hệ thống (đối với tuyển sinh cao đẳng chính quy);

d) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định;

đ) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển và gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban thư ký theo quy định tại Quy chế thi tuyển sinh của Trường và theo quy định của Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT nếu thực hiện thi tuyển;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 23. Giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh

1. Trong thời gian tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Kết thúc tuyển sinh, Hiệu trưởng tổ chức tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh.

3. Người khiếu nại thực hiện quyền khiếu nại khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

4. Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 24. Hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh

1. Hiệu trưởng tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh của Trường theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3. Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự thi hay xét tuyển vào Trường không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh trong năm đó.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tuyển sinh của Trường.

2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào các cơ sở đào tạo trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định của: Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

Điều 26. Khen thưởng

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh khen thưởng hoặc đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng:

1. Những cá nhân, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

2. Những cá nhân, đơn vị có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế các quy chế, quy định có liên quan trước đây của Trường.

2. Hàng năm, Quy chế này có thể được bổ sung, sửa đổi, cập nhật theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Đào tạo – Bồi dưỡng và Hợp tác Quốc tế để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

PHỤ LỤC I: PHÂN CHIA KHU VỰC TUYỂN SINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 435 /QĐ-CĐSP ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu)

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

PHỤ LỤC II: ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 435 /QĐ-CĐSP ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu)

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
Nhóm UT1	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
Nhóm UT2	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nòng cốt, Dân quân tự

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
	vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nòng cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào ngành đào tạo giáo viên;

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Quyết định số 435/QĐ-CĐSP ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu)

UBND TỈNH BÀ RỊA–VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: C52

3. Địa chỉ trụ sở:

Số 689, đường CMT8, P. Long Toàn, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:

http://www.cdspbrvt.edu.vn/

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

02543.826.644 - 0987.681.634

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)

https://www.cdspbrvt.edu.vn/TUYENSINH.aspx

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...): https://www.cdspbrvt.edu.vn

II. TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng

- Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT).

- Thí sinh thường trú trong tỉnh.

1.2. Điều kiện dự tuyển

- Xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT: Do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Xét theo điểm học bạ THPT: Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá ở mức Khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

- Phương thức 1: Kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT từ năm 2023 đến năm 2025 với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

- Phương thức 2: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

- Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Trường xác định quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo; công bố quy đổi tương đương trên website của Trường sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố các số liệu thống kê về tương quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở THPT.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành XT	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Mã phương thức tuyển sinh
1	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	120	Kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (Văn, Toán, **Năng khiếu:** Tổ hợp M00)	405
2	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non		Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (Văn, Toán, **Năng khiếu:** Tổ hợp M00)	406
3	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non		Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh ngành GDMN	301

Ghi chú: Môn chính là môn được in đậm.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

- Trong trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì sẽ ưu tiên cho thí sinh có điểm môn chính cao hơn.

- Trong trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau và có điểm môn chính bằng nhau thì sẽ ưu tiên cho thí sinh có tổng điểm 3 bài thi/môn thi cao hơn (không tính điểm ưu tiên).

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Tổ chức tuyển sinh thi Năng khiếu

- Những thí sinh đăng ký xét tuyển phải có kết quả thi Năng khiếu bằng một trong hai hình thức sau:

① Tham dự kỳ thi Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát) do trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức.

② Sử dụng kết quả thi Năng khiếu năm 2025 của trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM) tổ chức.

- Thời gian đăng ký dự thi Năng khiếu: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 04/7/2025.

- Thời gian phổ biến quy chế thi và hướng dẫn thi năng khiếu: 08 giờ ngày 05/7/2025.

- Thời gian thi năng khiếu: 7 giờ ngày 08/7/2025.

- Nội dung chi tiết đăng ký dự thi Năng khiếu có trong thông báo của Trường.

6.2. Thời gian đăng ký xét tuyển

Đợt 1: Thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đợt 2: Nếu còn chỉ tiêu, nhà trường sẽ thông báo kế hoạch cụ thể trên Website của nhà trường.

6.3. Hình thức và hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Hình thức đăng ký: Tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống xét tuyển chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo đúng hướng dẫn, đúng khung thời gian quy định tại địa chỉ https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn.

- Hồ sơ đăng ký: Ngoài việc tất cả các thí sinh phải đăng ký theo hình thức ở trên, thí sinh ***phải bổ sung minh chứng phù hợp với phương thức xét tuyển*** bằng cách nộp trực tiếp tại Trường hoặc nộp trực tuyến tại website của Trường theo đường link https://url.td/-0NDw.

Nếu nộp trực tiếp thí sinh cần mang theo **Bản phô tô** của các minh chứng theo phương thức xét tuyển đã chọn.

6.4. Địa điểm nhận hồ sơ ĐKXT

- Đối với thí sinh đăng ký trực tiếp

Địa điểm làm thủ tục đăng ký xét tuyển tại Phòng Đào tạo – Bồi dưỡng và Hợp tác Quốc tế (Phòng 301 khu hiệu bộ), Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu, Số 689, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đối với thí sinh đăng ký trực tuyến

Thí sinh cần khai báo trực tuyến trên phiếu đăng ký xét tuyển tại website của Trường và cung cấp đầy đủ minh chứng phù hợp với yêu cầu của phương thức xét tuyển đã chọn.

6.5. Xét tuyển

a. Nguyên tắc xét tuyển

- Theo Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

b. Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPT Quốc gia

Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn thi Văn, Toán và Năng khiếu (từng môn thi được chấm theo thang điểm 10) cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của BGDĐT và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

ĐXT = ĐM1 + ĐM2 + ĐM3 + ĐUT

Trong đó:

ĐXT: điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

ĐM1, ĐM2, ĐM3: lần lượt là điểm thi môn Văn, Toán và Năng khiếu.

ĐUT: điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của BGDĐT.

c. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (học bạ)

Điểm xét tuyển là tổng điểm thi Năng khiếu (theo thang điểm 10) và tổng điểm trung bình cả năm của ba năm lớp 10, 11, 12 của hai môn Văn, Toán (đã quy đổi tương đương sang điểm thi tốt nghiệp THPT theo quy đổi của trường) cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của BGDĐT và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

ĐXT = ĐM1 + ĐM2 + ĐM3 + ĐUT

Trong đó:

ĐXT: điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

ĐM1, ĐM2: lần lượt là tổng điểm trung bình cả năm của ba năm lớp 10, 11, 12 của hai môn Văn, Toán (đã quy đổi tương đương sang điểm thi tốt nghiệp THPT).

ĐM3: điểm thi Năng khiếu.

ĐUT: điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của BGDĐT.

Lưu ý khi sử dụng điểm môn thi năng khiếu do ĐHSP TPHCM tổ chức:

- Nhà trường thực hiện quy đổi điểm năng khiếu như sau: Điểm môn thi năng khiếu của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu = (Điểm môn năng khiếu mầm non 1 + Điểm môn năng khiếu mầm non 2)/2 của ĐHSP TPHCM.

- Để sử dụng điểm môn thi năng khiếu do ĐHSP TPHCM tổ chức khi xét tuyển, thí sinh cần nộp trực tiếp Giấy báo kết quả hoặc Giấy xác nhận điểm thi năng khiếu (bản photo) ngay sau khi có kết quả thi về trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu.

6.6. Lịch tuyển sinh chung

Lịch tuyển sinh của Trường căn cứ theo lịch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Ưu tiên

Trường thực hiện chính sách ưu tiên trong tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

7.2. Xét tuyển thẳng

Các đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

8. Lệ phí thi tuyển, học phí

8.1. Lệ phí đăng ký dự thi Năng khiếu: 300.000 đồng/thí sinh.

8.2. Học phí: Được Nhà nước hỗ trợ tiền học phí và sinh hoạt phí theo quy định.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Việc giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh,... được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

10. Các nội dung khác: Không trái quy định hiện hành.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ Thang điểm xét	
1.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG.	138	125	18/30	120	118	23,25/30	
2.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ).			21,5/30			25/30	
3.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế.							
4.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Xét kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt của Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức.						700/1200	
5.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.			18/30			23,25/30	
6.	C52	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.			21,5/30			25/30	

Thông tin cán bộ tuyển sinh

Trần Minh Hiếu
Đt: 0978070446
Email: sven2082@gmail.com